

Phụ lục
DANH MỤC
TÀI LIỆU HỆ THỐNG QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG
THEO TIÊU CHUẨN QUỐC GIA TCVN ISO 9001:2015
(Kèm theo Quyết định số /QĐ-SXD ngày tháng 9 năm 2026
của Sở Xây dựng tỉnh Khánh Hòa)

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
A	CÁC TÀI LIỆU, QUY TRÌNH HƯỚNG DẪN HTQLCL			
1	Sổ tay chất lượng	STCL	Thư ký ISO và các phòng chuyên môn /đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Cung cấp trên Website: https://sxd.khanhhoa.gov.vn (mục ISO 9001:2015)/ V-Office)
2	Chính sách chất lượng	CSCL	Thư ký ISO và các phòng chuyên môn /đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Cung cấp trên Website: https://sxd.khanhhoa.gov.vn (mục ISO 9001:2015)/ V-Office)
3	Mục tiêu chất lượng	MTCL	Thư ký ISO và các phòng chuyên môn /đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Cung cấp trên Website: https://sxd.khanhhoa.gov.vn (mục ISO 9001:2015)/ V-Office)
4	Quy trình Kiểm soát thông tin dạng văn bản	QT.TLHS	Thư ký ISO và các phòng chuyên môn /đơn vị thuộc	Cung cấp trên Website: https://sxd.khanhhoa.gov

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
			và trực thuộc Sở	.vn (mục ISO 9001:2015)/ V-Office)
5	Quy trình đánh giá nội bộ Hệ thống quản lý chất lượng	QT.ĐGNB	Thư ký ISO và các phòng chuyên môn /đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Cung cấp trên Website: https://sxd.khanhhoa.gov.vn (mục ISO 9001:2015)/ V-Office)
6	Quy trình quản lý rủi ro	QT.QLRR	Thư ký ISO và các phòng chuyên môn /đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Cung cấp trên Website: https://sxd.khanhhoa.gov.vn (mục ISO 9001:2015)/ V-Office)
7	Quy trình cải tiến HTQLCL	QT.CTCL	Thư ký ISO và các phòng chuyên môn /đơn vị thuộc và trực thuộc Sở	Cung cấp trên Website: https://sxd.khanhhoa.gov.vn (mục ISO 9001:2015)/ V-Office)
B	QUY TRÌNH GIẢI QUYẾT THỦ TỤC HÀNH CHÍNH (Bao gồm các quy trình QTNB giải quyết TTHC thuộc thẩm quyền của cơ quan HCNN tự thiết lập và phê duyệt, hoặc do UBND tỉnh phê duyệt)			
I	LĨNH VỰC QUY HOẠCH ĐÔ THỊ VÀ NÔNG THÔN (05 QTNB)			
1	Phê duyệt nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực	1.014156	Phòng Quản lý Quy hoạch – Kiến trúc	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	hiện dự án đầu tư tổ chức lập			
2	Phê duyệt, chấp thuận quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014158	Phòng Quản lý Quy hoạch – Kiến trúc	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
3	Thẩm định nhiệm vụ quy hoạch, nhiệm vụ điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014155	Phòng Quản lý Quy hoạch – Kiến trúc	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
4	Thẩm định quy hoạch, điều chỉnh quy hoạch đô thị và nông thôn do nhà đầu tư đã được lựa chọn để thực hiện dự án đầu tư tổ chức lập	1.014157	Phòng Quản lý Quy hoạch – Kiến trúc	2748/QĐ-UBND ngày 11/8/2026
5	Cung cấp thông tin quy hoạch đô thị và nông thôn	1.014159	Phòng Quản lý Quy hoạch – Kiến trúc	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
II	LĨNH VỰC QUẢN LÝ CHẤT LƯỢNG CÔNG TRÌNH (02 QTNB)			
6	Kiểm tra công tác nghiệm thu hoàn thành công trình của cơ quan chuyên môn về xây dựng tại địa phương	1.009794	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	2970/QĐ-UBND ngày 18/8/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
7	Cho ý kiến về việc kéo dài thời hạn sử dụng của công trình hết thời hạn sử dụng theo thiết kế nhưng có nhu cầu sử dụng tiếp (trừ trường hợp nhà ở riêng lẻ)	1.009791	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	2970/QĐ-UBND ngày 18/8/2026
III	LĨNH VỰC NHÀ Ở VÀ CÔNG SỞ (18 QTNB)			
8	Chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	1.012885	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
9	Điều chỉnh chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời với chấp thuận nhà đầu tư dự án cải tạo, xây dựng lại nhà chung cư không bằng nguồn vốn đầu tư công	1.012886	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
10	Đề xuất cơ chế ưu đãi đầu tư theo quy định tại điểm c khoản 2 Điều 198 của Luật Nhà ở 2023	1.012887	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
11	Gia hạn thời hạn sở hữu nhà ở tại Việt Nam cho cá nhân, tổ chức nước ngoài	1.012890	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
12	Cho thuê nhà ở công vụ thuộc thẩm quyền quản lý của địa phương	1.012891	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
13	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp chưa có hợp đồng thuê nhà ở	1.012892	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
14	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp nhận chuyển quyền thuê nhà ở	1.012897	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
15	Cho thuê nhà ở cũ thuộc tài sản công đối với trường hợp ký lại hợp đồng thuê	1.012898	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
16	Bán nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012893	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
17	Giải quyết bán phần diện tích nhà đất sử dụng chung của nhà ở cũ thuộc tài sản công	1.012894	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
18	Thẩm định giá bán, giá thuê mua nhà ở xã hội/nhà ở cho lực lượng vũ trang nhân dân	1.012895	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
19	Cho thuê, cho thuê mua nhà ở xã hội do Nhà nước đầu tư xây dựng bằng vốn đầu tư công	1.012896	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
20	Chuyển đổi công năng nhà ở không thuộc tài sản công	1.013769	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
21	Thủ tục giao chủ đầu tư không thông qua đấu thầu đối với trường hợp dự án	3.000506	Phòng Quản lý nhà và thị	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	đầu tư xây dựng nhà ở xã hội đã được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc có văn bản pháp lý tương đương		trường Bất động sản	
22	Thủ tục chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với trường hợp dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội chưa được chấp thuận chủ trương đầu tư, chấp thuận đầu tư hoặc chưa có văn bản pháp lý tương đương	3.000507	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
23	Thủ tục điều chỉnh quyết định giao chủ đầu tư, quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư đồng thời giao chủ đầu tư đối với dự án đầu tư xây dựng nhà ở xã hội	3.000508	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
24	Thủ tục Thông báo đủ điều kiện được huy động vốn thông qua việc góp vốn, hợp tác đầu tư, hợp tác kinh doanh, liên doanh, liên kết của các tổ chức và cá nhân để phát triển nhà ở	1.012882	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
25	Chuyển đổi công năng nhà ở đối với nhà ở xây dựng trong dự án thuộc thẩm quyền chấp thuận của UBND cấp tỉnh	1.012883	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
IV	LĨNH VỰC KINH DOANH BẤT ĐỘNG SẢN (09 QTNB)			
26	Thông báo nhà ở hình thành trong tương lai đủ điều kiện được bán, cho thuê mua	1.012905	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
27	Cấp mới chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản	1.012906	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
28	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ bị cháy, bị mất, bị rách, bị hủy hoại do thiên tai hoặc lý do bất khả kháng khác)	1.012907	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
29	Cấp lại chứng chỉ hành nghề môi giới bất động sản (trong trường hợp chứng chỉ cũ đã hết hạn hoặc gần hết hạn)	1.012910	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
30	Cấp giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản	1.012900	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
31	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong trường hợp Giấy phép bị mất, bị rách, bị cháy, bị tiêu hủy, bị hỏng)	1.012901	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
32	Cấp lại giấy phép hoạt động của Sàn giao dịch bất động sản (trong	1.012902	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	trường hợp thay đổi thông tin của sản)			
33	Thông báo quyền sử dụng đất đã có hạ tầng kỹ thuật trong dự án bất động sản đủ điều kiện chuyển nhượng cho cá nhân tự xây dựng nhà ở	1.012903	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
34	Cho phép Chuyển nhượng toàn bộ hoặc một phần dự án bất động sản	1.013777	Phòng Quản lý nhà và thị trường Bất động sản	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
V	LĨNH VỰC HOẠT ĐỘNG XÂY DỰNG (12 QTNB)			
35	Thẩm định Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng/Báo cáo nghiên cứu khả thi đầu tư xây dựng điều chỉnh.	1.013239	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
36	Cấp giấy phép xây dựng mới công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (Công trình không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án)	1.013236	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026
37	Cấp giấy phép xây dựng sửa chữa, cải tạo đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình	1.013238	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).			
38	Cấp giấy phép di dời đổi với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.013230	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026
39	Cấp điều chỉnh giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.013231	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
40	Gia hạn giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.013233	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026
41	Cấp lại giấy phép xây dựng đối với công trình cấp đặc biệt, cấp I, cấp II (công trình Không theo tuyến/Theo tuyến trong đô thị/Tín ngưỡng, tôn giáo/ Tượng đài, tranh hoành tráng/Theo giai đoạn cho công trình không theo tuyến/Theo giai đoạn cho công trình theo tuyến trong đô thị/Dự án).	1.013235	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026
42	Cấp mới chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.	1.013237	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026
43	Cấp lại chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng.	1.013217	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026
44	Cấp chuyển đổi chứng chỉ hành nghề hoạt động xây dựng	1.013219	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	811/QĐ-UBND ngày 12/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
45	Cấp giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.	1.013222	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
46	Cấp điều chỉnh giấy phép hoạt động xây dựng cho nhà thầu nước ngoài.	1.013224	Phòng Quản lý Hoạt động xây dựng	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
VI	LĨNH VỰC VẬT LIỆU XÂY DỰNG (02 QTNB)			
47	Cấp giấy phép lưu thông vật liệu, cầu kiện ngăn cháy, chống cháy	1.014783	Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng	1985/QĐ-UBND ngày 10/6/2026
48	Kiểm tra chất lượng hàng hóa vật liệu xây dựng nhập khẩu có mức độ rủi ro cao	1.115407	Phòng Kinh tế và Vật liệu xây dựng	1257/QĐ-UBND ngày 09/4/2026
VII	LĨNH VỰC GIÁM ĐỊNH TƯ PHÁP (02 QTNB)			
49	Bổ nhiệm và cấp thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	2.001116	Phòng Pháp chế	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
50	Miễn nhiệm và thu hồi thẻ giám định viên tư pháp xây dựng ở địa phương	1.011675	Phòng Pháp chế	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025
VIII	LĨNH VỰC ĐĂNG KIỂM (12 QTNB)			
51	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001322	Phòng Quản lý vận tải	2277/QĐ-UBND ngày 26/6/2026
52	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định xe cơ giới	1.001296	Phòng Quản lý vận tải	2277/QĐ-UBND ngày 26/6/2026
53	Cấp mới Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013105	Phòng Quản lý vận tải	2277/QĐ-UBND ngày 26/6/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
54	Cấp lại Giấy chứng nhận đủ điều kiện hoạt động kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013110	Phòng Quản lý vận tải	2277/QĐ-UBND ngày 26/6/2026
55	Cấp mới Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ	1.001319	Phòng Quản lý vận tải	2555/QĐ-UBND ngày 28/7/2026
56	Cấp lại Chứng chỉ đăng kiểm viên phương tiện giao thông đường bộ	1.013071	Phòng Quản lý vận tải	2555/QĐ-UBND ngày 28/7/2026
57	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp miễn kiểm định	1.013089	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	864/QĐ-SXD ngày 14/8/2026
58	Cấp lại Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định xe cơ giới, xe máy chuyên dùng	1.013092	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	864/QĐ-SXD ngày 14/8/2026
59	Cấp lại giấy chứng nhận cải tạo	1.013097	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	864/QĐ-SXD ngày 14/8/2026
60	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định khí thải xe mô tô, xe gắn máy	1.013101	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	864/QĐ-SXD ngày 14/8/2026
61	Cấp Giấy chứng nhận kiểm định, Tem kiểm định an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường cho xe cơ giới (trừ xe mô tô, xe gắn máy), xe máy chuyên dùng trong trường hợp	1.005103	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	864/QĐ-SXD ngày 14/8/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	kiểm định lần đầu, kiểm định định kỳ, kiểm định cho xe có chứng nhận đăng ký xe tạm thời			
62	Cấp giấy chứng nhận an toàn kỹ thuật và bảo vệ môi trường đối với xe cơ giới cải tạo, xe máy chuyên dùng cải tạo	1.013206	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	864/QĐ-SXD ngày 14/8/2026
IX	LĨNH VỰC DU LỊCH (03 QTNB)			
63	Thủ tục cấp biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	1.014190	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
64	Thủ tục cấp đổi biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	1.014191	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
65	Thủ tục cấp lại biển hiệu phương tiện vận tải khách du lịch bằng đường thủy nội địa (thẩm quyền của Sở Xây dựng)	1.014192	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
X	LĨNH VỰC ĐƯỜNG BỘ (47 QTNB)			
66	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002877	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
67	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Campuchia	1.001023	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
68	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi bị mất, bị	1.005210	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	hồng, có sự thay đổi về tên của cơ sở đào tạo			
69	Cấp lại Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.004993	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
70	Cấp Giấy phép lưu hành xe quá tải trọng, xe quá khổ giới hạn, xe bánh xích, xe vận chuyển hàng siêu trường, siêu trọng trên đường bộ	1.000028	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
71	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào	1.002063	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
72	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Campuchia	1.001577	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
73	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Lào, Campuchia	1.002286	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
74	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của Trung Quốc	1.001737	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
75	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện Hiệp định GMS	1.002046	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
76	Cấp Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ	1.000703	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
77	Đăng ký khai thác tuyến vận tải hành khách cố định	2.002285	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
78	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép kinh doanh hoặc Giấy phép kinh doanh bị thu hồi	2.002286	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
79	Cấp lại Giấy phép kinh doanh vận tải bằng xe ô tô, bằng xe bốn bánh có gắn động cơ trường hợp Giấy phép kinh doanh bị mất, bị hỏng	2.002287	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
80	Gia hạn thời gian lưu hành tại Việt Nam cho phương tiện của các nước thực hiện các Hiệp định khung ASEAN về vận tải đường bộ qua biên giới	1.010707	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
81	Cấp lại Chứng chỉ bồi dưỡng kiến thức pháp luật về giao thông đường bộ cho người điều khiển xe máy chuyên dùng tham gia giao thông đường bộ (trường hợp cơ sở bồi dưỡng đã cấp chứng chỉ không còn hoạt động)	2.000769	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
82	Phê duyệt quy trình vận hành, khai thác bến bến phà, bến khách ngang sông sử dụng phà một lưỡi chở hành khách và xe ô tô	1.005021	Phòng Quản lý vận tải	2530/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
83	Cấp, cấp lại Phù hiệu cho xe ô tô, xe bốn bánh có gắn động cơ kinh doanh vận tải	2.002288	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
84	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam, Lào và Campuchia	1.002268	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
85	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Lào	1.002861	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
86	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận giữa Việt Nam và Lào	1.002856	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
87	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế ASEAN	1.010702	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
88	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận ASEAN	1.010704	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
89	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế GMS	1.002829	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
90	Cấp, cấp lại Giấy phép liên vận GMS hoặc sở TAD	1.002817	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
91	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung, thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Lào	1.002847	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
92	Cấp, cấp lại Giấy phép vận tải đường bộ quốc tế giữa Việt Nam và Campuchia	1.000302	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
93	Đăng ký, ngừng khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách cố định giữa Việt Nam và Campuchia	1.000321	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
94	Cấp Giấy chứng nhận giáo viên dạy thực hành lái xe	1.001765	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
95	Cấp bổ sung xe tập lái, cấp lại Giấy phép xe tập lái	1.001751	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
96	Cấp lại Giấy phép đào tạo lái xe ô tô khi điều chỉnh hạng xe đào tạo, lưu lượng đào tạo và thay đổi địa điểm đào tạo	1.001623	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
97	Công bố đưa bến xe khách vào khai thác	1.000660	Phòng Quản lý vận tải	2530/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
98	Công bố lại bến xe khách	1.000672	Phòng Quản lý vận tải	2530/QĐ-UBND ngày 27/7/2026
99	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1.013259	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
100	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	1.013260	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
101	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm trên đường bộ	1.013261	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
102	Cấp Giấy phép đào tạo lái xe, cấp Giấy phép xe tập lái	1.001777	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
103	Đăng ký khai thác tuyến, bổ sung hoặc thay thế phương tiện khai thác tuyến vận tải hành khách định kỳ giữa Việt Nam và Trung Quốc	1.002334	Phòng Quản lý vận tải	Tờ trình số 9022/TTr-SXD ngày 14/8/2026
104	Chấp thuận thiết kế nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001046	Phòng Quản lý giao thông	1305/QĐ-UBND ngày 15/4/2026
105	Cấp phép thi công nút giao đầu nối vào đường quốc lộ đang khai thác	1.001061	Phòng Quản lý giao thông	1305/QĐ-UBND ngày 15/4/2026
106	Cấp giấy phép thi công công trình trên đường bộ đang khai thác	1.013061	Phòng Quản lý giao thông	1305/QĐ-UBND ngày 15/4/2026
107	Chấp thuận bổ sung vị trí nút giao đầu nối vào đường cao tốc	1.013276	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
108	Phê duyệt phương án tổ chức giao thông trước khi đưa đường cao tốc vào khai thác; Phê duyệt điều chỉnh, bổ sung phương án	1.002798	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	tổ chức giao thông đường cao tốc trong thời gian khai thác			
109	Chấp thuận vị trí, quy mô, kích thước, phương án tổ chức thi công biển quảng cáo, biển thông tin cổ động, tuyên truyền chính trị; chấp thuận xây dựng, lắp đặt công trình hạ tầng, công trình hạ tầng kỹ thuật sử dụng chung trong phạm vi bảo vệ kết cấu hạ tầng đường bộ; chấp thuận gia cường công trình đường bộ khi cần thiết để cho phép xe quá khổ giới hạn, xe quá tải trọng, xe bánh xích lưu hành trên đường bộ	2.001921	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
110	Chấp thuận vị trí đầu nối tạm vào đường bộ đang khai thác	1.000314	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
111	Chấp thuận đầu nối đối với trường hợp kết nối với đường bộ không có trong các quy hoạch	1.013277	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
112	Cấp phép sử dụng tạm thời lòng đường, vỉa hè vào mục đích khác	1.013274	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
XI	LĨNH VỰC HÀNG HẢI VÀ ĐƯỜNG THỦY NỘI ĐỊA (44 QTNB)			
113	Cấp Giấy chứng nhận cơ sở đủ Điều kiện kinh doanh dịch vụ đào tạo	2.002001	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	thuyền viên, người lái phương tiện thủy nội địa			
114	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện chưa khai thác trên đường thủy nội địa	1.004088	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
115	Đăng ký phương tiện lần đầu đối với phương tiện đang khai thác trên đường thủy nội địa	1.004047	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
116	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển từ cơ quan đăng ký khác sang cơ quan đăng ký phương tiện thủy nội địa	1.004036	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
117	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện nhưng không thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.004002	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
118	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chuyển quyền sở hữu phương tiện đồng thời thay đổi cơ quan đăng ký phương tiện	1.003970	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
119	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp chủ phương tiện thay đổi trụ sở hoặc nơi đăng ký hộ khẩu thường trú của chủ phương tiện sang đơn vị hành chính cấp tỉnh khác	1.006391	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
120	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện	1.003930	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
121	Xóa đăng ký phương tiện	2.001659	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
122	Cấp Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004261	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
123	Cấp lại Giấy phép vận tải qua biên giới	1.004259	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
124	Phê duyệt phương án vận tải hàng hóa siêu trường hoặc hàng hóa siêu trọng trên đường thủy nội địa	1.000344	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
125	Cấp, cấp lại, chuyển đổi giấy chứng nhận khả năng chuyên môn, chứng chỉ chuyên môn	1.003135	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
126	Chấp thuận hoạt động vui chơi, giải trí dưới nước tại vùng nước trên tuyến đường thủy nội địa, vùng nước cảng biển hoặc khu vực hàng hải	2.001219	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
127	Công bố đóng cảng, bến thủy nội địa, khu neo đậu	1.115949	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
128	Công bố mở khu neo đậu	1.009449	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
129	Công bố mở cảng thủy nội địa	1.115948	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
130	Công bố mở luồng đường thủy nội địa chuyên dùng nối với đường thủy nội địa quốc gia, luồng đường thủy chuyên dùng nối với đường thủy nội địa địa phương	1.009459	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
131	Công bố đóng luồng đường thủy nội địa khi không có nhu cầu khai thác, sử dụng	1.009460	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
132	Phê duyệt phương án trực vớt tài sản chìm đắm	1.002771	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
133	Đăng ký vận tải hành khách cố định trên tuyến vận tải thủy từ bờ ra đảo	2.000795	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
134	Chấp thuận vùng hoạt động tàu lặn	1.013466	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
135	Phê duyệt Phương án đưa tàu lặn vào hoạt động	1.013467	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
136	Chấm dứt hoạt động tàu lặn	1.013468	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
137	Xác nhận trình báo đường thủy nội địa hoặc trình báo đường thủy nội địa bổ sung	1.005040	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
138	Đăng ký lại phương tiện trong trường hợp phương tiện thay đổi tên, tính năng kỹ thuật	2.001711	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
139	Gia hạn thời gian lưu lại lãnh thổ Việt Nam cho phương tiện vận tải thủy của Campuchia	1.003640	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
140	Cấp Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa	2.002615	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
141	Điều chỉnh thông tin trên Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa khi có sự thay đổi liên quan đến nội dung của Giấy phép	2.002616	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
142	Cấp lại Giấy phép vận chuyển hàng hóa nguy hiểm bằng phương tiện thủy nội địa do bị mất, bị hỏng	2.002617	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
143	Phê duyệt đánh giá an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.004239	Cảng vụ đường thủy nội địa - Phòng Quản lý vận tải	2776/QĐ-UBND ngày 12/8/2026
144	Phê duyệt kế hoạch an ninh và cấp giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài	1.003570	Cảng vụ đường thủy nội địa - Phòng Quản lý vận tải	2776/QĐ-UBND ngày 12/8/2026
145	Xác nhận hàng năm giấy chứng nhận phù hợp an ninh cảng thủy nội địa	1.004137	Cảng vụ đường thủy nội địa -	2776/QĐ-UBND ngày 12/8/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	tiếp nhận phương tiện thủy nước ngoài		Phòng Quản lý vận tải	
146	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng đường thủy nội địa	1.009442	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
147	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng khu neo đậu	1.009448	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
148	Cho ý kiến đối với phương án thiết lập báo hiệu đường thủy nội địa	1.009451	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
149	Cho ý kiến về sự phù hợp quy hoạch và thông số kỹ thuật xây dựng cảng thủy nội địa	1.115947	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
150	Lấy ý kiến về nội dung liên quan đến đường thủy nội địa đối với công trình không thuộc kết cấu hạ tầng đường thủy nội địa và các hoạt động trên đường thủy nội địa	1.009463	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
151	Công bố hạn chế giao thông đường thủy nội địa	1.009464	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
152	Chấp thuận phương án bảo đảm an toàn giao thông đường thủy nội địa	1.009465	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026
153	Chấp thuận khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ, nhận chìm ở biển	2.001802	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ- UBND ngày 02/3/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
154	Cấp Giấy phép nhập khẩu pháo hiệu hàng hải	1.001223	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
155	Công bố khu vực, địa điểm tiếp nhận chất nạo vét trên bờ	2.002625	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
156	Chấp thuận đề xuất thực hiện nạo vét đường thủy nội địa địa phương	2.002624	Phòng Quản lý giao thông	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
XII	LĨNH VỰC ĐƯỜNG SẮT (12 QTNB)			
157	Cấp Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	1.010000	Phòng Quản lý vận tải	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
158	Cấp lại Giấy chứng nhận đăng ký phương tiện giao thông đường sắt	1.004844	Phòng Quản lý vận tải	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
159	Xét cấp giấy phép lái tàu	1.009479	Phòng Quản lý vận tải	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
160	Sát hạch cấp giấy phép lái tàu	1.005071	Phòng Quản lý vận tải	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
161	Cấp lại Giấy phép lái tàu	1.003897	Phòng Quản lý vận tải	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
162	Cấp giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	1.005126	Phòng Quản lý giao thông	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
163	Bãi bỏ đường ngang	1.000294	Phòng Quản lý giao thông	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
164	Gia hạn giấy phép xây dựng, cải tạo, nâng cấp đường ngang	1.005058	Phòng Quản lý giao thông	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
165	Cấp Giấy phép kết nối ray các tuyến đường sắt	1.004685	Phòng Quản lý giao thông	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
166	Gia hạn giấy phép kết nối, bãi bỏ kết nối ray các tuyến đường sắt	1.004681	Phòng Quản lý giao thông	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
167	Cấp giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung với đường sắt	1.005134	Phòng Quản lý giao thông	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
168	Gia hạn giấy phép xây dựng công trình thiết yếu, dùng chung đường sắt	1.005123	Phòng Quản lý giao thông	382/QĐ-UBND ngày 30/01/2026
XIII	LĨNH VỰC THUẾ (03 QTNB)			
169	Thủ tục xác định xe ô tô không tham gia giao thông, không sử dụng đường thuộc hệ thống giao thông đường bộ	3.000255	Phòng Quản lý vận tải	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
170	Thủ tục xác định xe tạm dừng tham gia giao thông liên tục từ 30 ngày trở lên	3.000252	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
171	Thủ tục xác định xe thuộc trường hợp không chịu phí được trả lại hoặc bù trừ phí đã nộp	3.000251	Trung tâm Đăng kiểm xe cơ giới	685/QĐ-UBND ngày 02/3/2026
XIV	LĨNH VỰC TÀI CHÍNH NGÂN HÀNG (01 QTNB)			
172	Thủ tục hỗ trợ lãi suất vay vốn tại tổ chức tín dụng để đầu tư phương tiện, đầu tư kết cấu hạ tầng phục vụ vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt theo quy định tại Khoản 3 Điều 4, Khoản 3 Điều 5 Quyết định số 13/2015/QĐ-TTg ngày	3.000161	Phòng Quản lý vận tải	2826/QĐ-UBND ngày 31/12/2025

STT	Tên tài liệu	Mã hiệu	Phân phối, lưu	Ghi chú
	05/5/2015 của Thủ tướng Chính phủ về cơ chế, chính sách khuyến khích phát triển vận tải hành khách công cộng bằng xe buýt			